

**NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG,
TÌNH TRẠNG SỨC KHỎE CỦA NHÂN VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ NĂM 2019**

Phạm Trần Nam Phương^{1}, Lê Thành Tài²,
Đoàn Duy Dậm¹, Lâm Hoàng Dũng¹,*

1. Sở Y tế Cần Thơ

2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

**Email: ptnamphuongdhydct@gmail.com*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Môi trường lao động trong lĩnh vực sợi, dệt bao bì thường bị ô nhiễm bụi, vi khí hậu, tiếng ồn, hơi hóa chất vượt tiêu chuẩn cho phép, ... dẫn đến bệnh nghề nghiệp. **Mục tiêu nghiên cứu:** (1) Xác định tỷ lệ các yếu tố môi trường lao động không đạt tiêu chuẩn cho phép và (2) thực trạng sức khỏe của công nhân công ty cổ phần Sadico Cần Thơ năm 2019. **Đối tượng và Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang điều kiện môi trường lao động và toàn bộ người lao động trực tiếp (216 người). Thời gian nghiên cứu từ tháng 6/2018 đến 6/2019. **Kết quả:** Môi trường lao động không đạt: nhiệt độ 78,9%, tiếng ồn 94,7%; Phân loại sức khỏe: 14,4% loại I, 45,8% loại II, 24,5% loại III, 15,3% loại IV, không có loại V (Nguyên nhân hạ loại sức khỏe: tật khúc xạ 15,7%, hệ số nhai thấp 21,3%, tăng huyết áp 8,8%, ngoại khoa 17,6%...). Kết quả cận lâm sàng: 29,6% sỏi thận, gan nhiễm mỡ, sản khoa, 12,5% nhịp xoang chậm, thiếu máu cơ tim, 6,5% đôi tượng có đường huyết cao...; 100% có chức năng hô hấp bình thường, 23,9% giảm thính lực cả hai tai. **Kết luận:** Môi trường lao động không đạt: nhiệt độ 78,9%, tiếng ồn 94,7%; Phân loại sức khỏe: 14,4% loại I, 45,8% loại II, 24,5% loại III, 15,3% loại IV, không có loại V. Doanh nghiệp cần giám sát, cải thiện các yếu tố tác hại nghề nghiệp tại nơi làm việc và chăm sóc sức khỏe người lao động.

Từ khóa: Môi trường lao động, sức khỏe người lao động.

ABSTRACT

**THE CURRENT STATUS OF WORKING ENVIRONMENT
AND EMPLOYEE HEALTH IN CAN THO SADICO COMPANY IN 2019**

Pham Tran Nam Phuong^{1}, Le Thanh Tai²,
Doan Duy Dam¹, Lam Hoang Dung¹*

1. Can Tho Department of Health

2. Can Tho university of Medicine and Pharmacy

Background: Working environment inside woven fabrics, woven bags factories is usually polluted by dust, micro-climate, noise, chemical vapor, etc. which exceed the permissible limits and cause occupational diseases. **Objectives:** (1) To determine the prevalence of work environmental factors not within the allowable limits; (2) To determine the current health status of factory workers in Can Tho Sadico company in 2019. **Materials and methods:** A cross-sectional study was conducted on work environmental conditions and all factory workers from June 2018 to Jun 2019. **Results:** The prevalence of failed factors in working environment: 78.9% in temperature, 94.7% in noise. Health classification: 14.4% in grade I, 45.8% in grade II, 24.5% in grade III, 15.3% in grade IV, no grade V (Causes of lowering health classification: 15.7% by eye refractive defects, 21.3% by low mastication coefficient, 8.8% by hypertension, 17.6% by operations...). Laboratory results: 29.6% had kidney stones, fatty liver and obstetrics, 12.5% had sinus bradycardia and myocardial ischemia, 6.5% had hyperglycemic, 100% had normal respiratory function, 23.9% had hearing loss in both ears. **Conclusion:** The prevalence of failed factors in working environment: 78,9% in temperature, 94,7% in noise. Health classification: 14,4% in grade I, 45,8% in grade II, 24,5% in grade III, 15,3% in grade IV, no grade V. Enterprises need to monitor and improve occupational harm factors at the workplace and take care of workers' health.

Keywords: working environment, employee health.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Điều kiện lao động ngành sợi - dệt bao bì tồn tại nhiều yếu tố bất lợi đối với sức khỏe người lao động. Môi trường lao động (MTLD) bị ô nhiễm do bụi, vi khí hậu, tiếng ồn, nồng độ hơi khí độc vượt tiêu chuẩn, ... có thể ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động dẫn đến bệnh nghề nghiệp (hô hấp, diếc nghề nghiệp...) [1], [2]. Để góp phần chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động chúng tôi thực hiện đề tài nghiên cứu: “Nghiên cứu thực trạng môi trường lao động, tình trạng sức khỏe của nhân viên công ty cổ phần Sadico Cần Thơ năm 2019”.

Mục tiêu nghiên cứu:

- Xác định tỷ lệ các yếu tố môi trường lao động không đạt tiêu chuẩn cho phép tại công ty cổ phần Sadico Cần Thơ năm 2019.

- Xác định thực trạng sức khỏe của công nhân công ty cổ phần Sadico Cần Thơ năm 2019.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Người lao động và điều kiện MTLĐ tại công ty cổ phần Sadico Cần Thơ.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Nhân viên có hợp đồng lao động, đồng ý tham gia nghiên cứu và các yếu tố có trong MTLĐ phải thực hiện quan trắc theo quy định của Bộ Y tế.

Tiêu chuẩn loại trừ: Đối tượng nghiên cứu từ chối tham gia nghiên cứu, người lao động đi công tác, học tập dài hạn ở các tỉnh/thành phố khác, đang nghỉ hưu.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành tại Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ từ tháng 6/2018 đến 6/2019.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Chọn chủ đích Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ và toàn bộ lao động trực tiếp tại Công ty để thực hiện nghiên cứu (216 người).

Nội dung nghiên cứu: Quan trắc MTLĐ tại các bộ phận sản xuất của Công ty theo quy định của Bộ Y tế. Kết quả được so sánh với tiêu chuẩn vệ sinh lao động (TCVSLĐ) tại quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT và Quy chuẩn Việt Nam số 22, 24, 26/2016/BYT; Khám sức khỏe theo hướng dẫn Thông tư số 14/2013/TT-BYT, phân loại theo Quyết định số 1613/BYT-QĐ;

Phương pháp thu thập số liệu: Khám sức khỏe do Phòng khám đa khoa Sức khỏe Cần Thơ thực hiện. Quan trắc MTLĐ do TT BVSKLĐ & MT Cần Thơ thực hiện.

Phương pháp xử lý số liệu: Nhập và xử lý số liệu trên phần mềm SPSS 18.0.

III. KẾT QUẢ

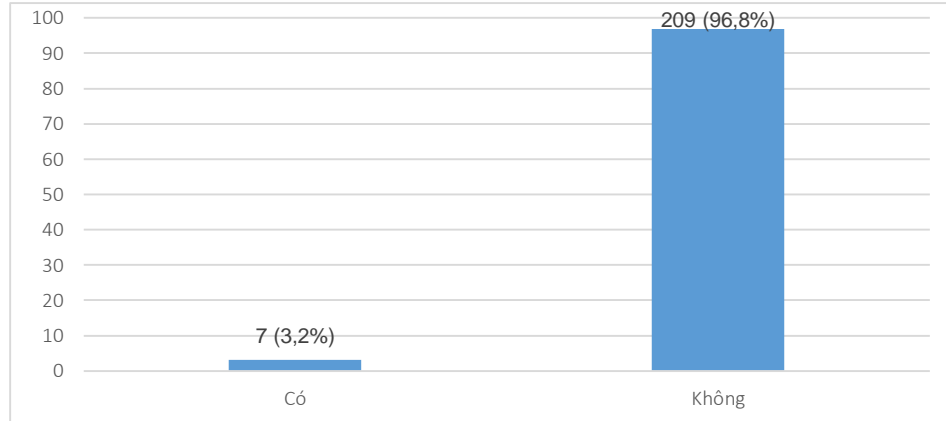
3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (n = 216)

Đặc điểm đối tượng		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	147	68,1
	Nữ	69	31,9
Tuổi (TB ± ĐLC = 39,2 ± 7,4)	≤ 30	27	12,5
	Từ 31 đến 40	102	47,2
	Từ 41 đến 50	71	32,9
	> 50 tuổi	16	7,4
Thâm niên công tác	< 5 năm	48	22,2

	Từ 5 đến 10 năm	36	16,7
	> 10 năm	132	61,1

Tỷ lệ nam giới là 29,4%, nữ giới là 70,6%; Độ tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là $39,2 \pm 7,4$ tuổi; Thâm niên nghề nghiệp phân theo 3 nhóm: nhóm dưới 5 năm là 22,2%; nhóm từ 5 - 10 năm là 16,7%, nhóm > 10 năm là 61,1%.



Biểu đồ 1: Tiền sử tai nạn lao động của đối tượng nghiên cứu

Về tiền sử tai nạn lao động, 3,2% đối tượng nghiên cứu từng bị tai nạn lao động.

3.2. Điều kiện môi trường lao động tại cơ sở nghiên cứu

Kết quả cho thấy cơ sở nghiên cứu đã thực hiện đúng các quy định về quan trắc MTLĐ, tập huấn về an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), phòng chống bệnh nghề nghiệp (BNN), khám sức khỏe định kỳ, khám BNN, cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động.

Tiến hành quan trắc MTLĐ tại tất cả các bộ phận làm việc theo quy định. Cụ thể nghiên cứu đã quan trắc 19 mẫu vi khí hậu (Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió), ánh sáng, bụi hô hấp, tiếng ồn, 03 mẫu NO_2 và SO_2 , 02 mẫu Benzen và Toluene).

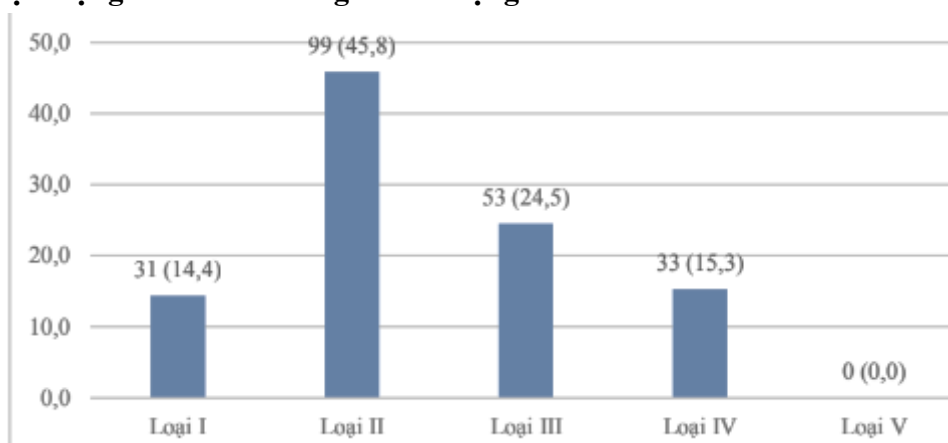
Bảng 2. Kết quả quan trắc môi trường lao động tại cơ sở nghiên cứu

T T	Yếu tố môi trường	TB \pm ĐLC	Giá trị đo (Min-Max)	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	
				Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
1	Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	$32,59 \pm 1,17$	28,8 - 33,9	15	78,9
	QCVN số 26/2016/TT-BYT		18 - 32 $^{\circ}\text{C}$		
2	Độ ẩm (%)	$60,74 \pm 3,05$	56,6 - 66,9	0	0,0
	QCVN số 26/2016/TT-BYT		40-80 %		
3	Tốc độ gió (m/s)	$0,31 \pm 0,16$	0,20 - 0,75	0	0,0
	QCVN số 26/2016/TT-BYT		0,1 - 1,5 m/s		
4	Ánh sáng (Lux)	$280,47 \pm 77,67$	201 - 492	0	0,0
	QCVN số 22/2016/BYT		50 - 10000 Lux (Tùy đặc thù công việc)		
5	Tiếng ồn (dB)	$91,87 \pm 8,22$	62,0 - 101,0	18	94,7
	QCVN số 24/2016/BYT		≤ 65 dB (Văn phòng); ≤ 85 dB (Kv làm việc chung)		
6	Bụi hô hấp (mg/m^3)	$0,36 \pm 0,09$	0,18 - 0,52	0	0,0
	QĐ 3733/2002/QĐ-BYT		$\leq 1 \text{ mg}/\text{m}^3$		
7	NO_2 (mg/m^3)	$0,13 \pm 0,06$	0,08 - 0,20	0	0,0
	QĐ 3733/2002/QĐ-BYT		$\leq 10 \text{ mg}/\text{m}^3$		
8	SO_2 (mg/m^3)	$0,18 \pm 0,07$	0,10 - 0,25	0	0,0
	QĐ 3733/2002/QĐ-BYT		$\leq 10 \text{ mg}/\text{m}^3$		

TT	Yếu tố môi trường	TB ± ĐLC	Giá trị đo (Min-Max)	Số mẫu không đạt TCVSLD	
				Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
9	Methyl ethyl keton (mg/m ³) QĐ 3733/2002/QĐ-BYT	13,81 ± 9,31	13,81 ± 9,31	0	0,0
			≤ 300 mg/m ³		
10	Benzen (mg/m ³) QĐ 3733/2002/QĐ-BYT	1,02 ± 1,10	0,24 - 1,80	0	0,0
			≤ 15 mg/m ³		
11	Toluen (mg/m ³) QĐ 3733/2002/QĐ-BYT	14,13 ± 18,29	1,20 - 27,0	0	0,0
			≤ 300 mg/m ³		

Kết quả cho thấy có 78,9% mẫu nhiệt độ, 94,7% tiếng ồn vượt TCVSCLP; các yếu tố còn lại như độ ẩm, tốc độ gió, nồng độ bụi hô hấp, hơi hóa chất đều đạt TCVSCLP.

3.3. Thực trạng sức khỏe của người lao động



Biểu đồ 2: Phân loại sức khỏe người lao động tại công ty (n = 216)

Kết quả khám và phân loại: 14,4% sức khỏe loại I, 45,8% sức khỏe loại II, 24,5% sức khỏe loại III, 15,3% sức khỏe loại IV, không có trường hợp nào sức khỏe loại V. Nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả phân loại sức khỏe định kỳ cao nhất là các bệnh về răng hàm mặt chiếm 21,3%, thấp nhất là bệnh về gan chiếm 0,5%.

Kết quả cận lâm sàng: gan nhiễm mỡ 17,1%, sỏi thận 6,9%, nhân xơ tử cung 3,7%, bệnh lý về tim mạch 2,8%, đường huyết cao 6,5%.

Bảng 3. Kết quả khám chức năng hô hấp, thính lực của đối tượng tham gia nghiên cứu (n = 216)

TT	Nội dung khám		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
1	Hô hấp	Bình thường	201	100,0
		Hạn chế/tắc nghẽn	0	0,0
2	Thính lực	Bình thường	135	67,2
		Giảm thính lực tai (P)	11	5,5
		Giảm thính lực tai (T)	7	3,5
		Giảm thính lực hai tai	48	23,9

Không có trường hợp nào mắc phải các hội chứng về hô hấp, 5,5% giảm thính lực tai phải, 3,5% giảm thính lực tai trái, 23,9% giảm thính lực cả hai tai.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Về giới tính của đối tượng làm việc tại công ty Sadico chúng tôi nhận thấy có 68,1% là nam và có 31,9% là nữ. Kết quả này là phù hợp với điều kiện lao động tại công ty. Tác giả Phạm Thị Kim Nhung tại các cơ sở sản xuất bao bì vừa và nhỏ tại TP. Hồ Chí Minh cũng cho thấy tỷ lệ nam giới chiếm trung bình khoảng 70% [3].

Một yếu tố khác của đối tượng cũng có sự khác biệt về ảnh hưởng của các yếu tố môi trường làm việc đến sức khỏe là độ tuổi. Nghiên cứu chúng tôi ghi nhận độ tuổi trung bình là $39,2 \pm 7,4$, chỉ có 12,5% dưới 30 tuổi. Tác giả Bùi Hoàng Nam nghiên cứu công nhân may công nghiệp tại Hưng Yên cho thấy nhóm 20-29 tuổi chiếm 53,3% [4]. Tác giả Hoàng Thị Thúy Hà nghiên cứu trên công nhân may Thái Nguyên cũng ghi nhận nhóm dưới 30 chiếm 45% [5]. Qua các đánh giá chúng tôi nhận thấy độ tuổi các đối tượng làm việc tại công ty Sadico Cần Thơ là cao hơn so với các công nhân ở các công ty khác ghi nhận được. Điều này cũng phù hợp với thâm niên công tác tại công ty của các đối tượng là trên 10 năm với 61,1%, đồng thời cũng phù hợp với lịch sử hình thành và phát triển, công ty Sadico được thành lập gần 30 năm.

Về tiền sử xảy ra các tai nạn lao động tại công ty Sadico Cần Thơ trên các đối tượng tham gia nghiên cứu là 3,2%, tai nạn lao động là một trong những vấn đề rất quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của công nhân, và được quy định báo cáo cụ thể tất cả các tai nạn lao động trong quá trình lao động sản xuất cho Sở lao động tỉnh, thành phố. Điều này cho thấy mặc dù là một công ty có bề dày lịch sử với điều kiện lao động tương đối hiện đại, nhưng vấn đề xảy ra tai nạn lao động vẫn có thể xảy ra. Từ đó suy rộng ra cho thấy các yếu tố nguy cơ khác của môi trường lao động cũng đã có ảnh hưởng phân nào đến sức khỏe của người lao động.

4.2. Điều kiện môi trường lao động tại cơ sở nghiên cứu

Điều kiện lao động tại các doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động [6]. Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác về vệ sinh lao động của công ty thực hiện được thực hiện khá tốt như: quan trắc môi trường lao động, tập huấn về an toàn vệ sinh lao động, tập huấn về phòng chống bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp và trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động đều được thực hiện theo định kỳ hàng năm.

Nhiệt độ là một yếu tố mà tất cả các doanh nghiệp đều phải đánh giá, nhiệt độ không đảm bảo sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động, đồng thời sẽ ảnh hưởng đến năng suất lao động, tùy vào quy mô mà có số lượng mẫu đo khác nhau. Qua kết quả nghiên cứu chúng tôi ghi nhận có đến 78,9% các mẫu đo nhiệt độ tại công ty là chưa đạt. Như chúng ta đã biết thì điều kiện nhiệt độ tại các doanh nghiệp theo QCVN số 26/2016/TT-BYT là từ $18 - 32^{\circ}\text{C}$, tuy nhiên nhận thấy nhiệt độ trung bình tại công ty mà chúng tôi ghi nhận được là $32,59 \pm 1,17^{\circ}\text{C}$. Đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thì thường phải sử dụng các loại máy móc nên việc phát sinh nhiệt trong lao động là rất phổ biến, từ đó làm cho nhiệt độ sẽ cao hơn nhiệt độ môi trường bình thường, vì vậy tại công ty cần phải có các biện pháp thông gió, hạ nhiệt để điều kiện nhiệt độ được đảm bảo. Kết quả này chúng tôi cao hơn nhiều so với kết quả quan trắc môi trường của thành phố năm 2017 là 6,17% [7], nghiên cứu của tác giả Bùi Hoàng Nam, tác giả này ghi nhận tỷ lệ các mẫu đo nhiệt độ không đạt là 14,3% [4]. Trong nghiên cứu của tác giả Hoàng Thị Thu Hà thì ghi nhận tỷ lệ các mẫu nhiệt độ không đạt là 41,67%, trong đó tỷ lệ mẫu đo vào mùa nóng không đạt cao hơn mùa lạnh [5]. Nghiên cứu của Andreas D Flouris và cộng sự được thực hiện ở 30 quốc gia chỉ ra rằng nhiệt độ cao tại nơi làm việc dẫn đến công nhân bị căng thẳng, năng suất làm việc giảm, dễ dẫn đến những tổn thương ở thận [10]. Nghiên cứu của Zafir Mohd Makhbul hay Ray Markey cũng chỉ ra rằng môi trường lao động bất lợi dẫn đến các mối nguy hiểm tại nơi làm việc, sức khỏe của người lao động kém, khuyết tật và sẽ làm giảm năng suất và chất lượng sản phẩm của công nhân, nhân viên có ý định nghỉ việc [8], [9]. Nhận thấy tỷ lệ mẫu không đạt trong

nghiên cứu của chúng tôi cao hơn nhiều so với các nghiên cứu trên, đây là vấn đề doanh nghiệp cần quan tâm nhiều hơn. Có thể do tại thời điểm đo là vào mùa nóng nên phần nào đã ảnh hưởng đến nhiệt độ của công ty, đồng thời cũng do một phần là nhiệt độ tỏa ra từ các máy móc vận hành tại công ty.

Ồn cũng là một trong các yếu tố rất nguy hiểm, là nguyên nhân gây ra bệnh điếc nghề nghiệp rất phổ biến hiện nay. Như chúng ta đã biết bệnh điếc nghề nghiệp là 1 trong 34 bệnh bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm y tế hiện nay. Vì vậy cho thấy tiếp ồn có ảnh hưởng rất nhiều đến người lao động, qua kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ các mẫu đo có tiêu chuẩn tiếng ồn chưa đạt là 94,7% một tỷ lệ rất cao. Kết quả cho thấy gần như hầu hết các mẫu đo tiếng ồn đều vượt tiêu chuẩn cho phép. Điều này cho thấy tiếng ồn hầu như sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ các lao động làm việc tại công ty. Ngoài ra chúng tôi còn ghi nhận hầu hết các mẫu đo không đạt về tiếng ồn chung thì khi đo tiếp ồn theo dõi tần hầu như cũng không đạt và đây là nguyên nhân gây ra bệnh điếc nghề nghiệp nếu thời gian tiếp xúc đủ lớn và người lao động không được trang bị các dụng cụ chống ồn khi làm việc. Kết quả này của chúng tôi cũng cao hơn rất nhiều so với báo cáo của Trung tâm bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường TP Cần Thơ với tỷ lệ mẫu đo tiếp ồn không đạt chỉ có 5,50% trong năm 2017 [7]. Trong nghiên cứu của tác giả Bùi Hoàng Nam thì ghi nhận tỷ lệ mẫu đo tiếp ồn không đạt là 7,9%, thấp hơn so với nghiên cứu chúng tôi [4]

4.3. Thực trạng sức khỏe người lao động

Công tác chăm lo sức khỏe cho người lao động là rất quan trọng, nó quyết định đến sự thành công của tất cả các lĩnh vực trong xã hội. Kết quả nghiên cứu tình trạng sức khỏe của đối tượng là công nhân công ty Sadico Cần Thơ cho thấy có 45,8% đối tượng có sức khỏe loại II chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp sau đó là tỷ lệ đối tượng có sức khỏe loại III với 24,5%, loại IV chiếm 15,3%, loại I chỉ chiếm 14,4% và không có đối tượng nào xếp loại V. Kết quả này của chúng tôi lại có nét tương đồng với nghiên cứu của tác giả Bùi Hoàng Nam, tác giả này ghi nhận kết quả tình trạng sức khỏe của công nhân sức khỏe chủ yếu là nhóm sức khỏe khá (loại II) chiếm 48,4% và trung bình (Loại III) chiếm xấp xỉ 31%, sức khỏe yếu và rất yếu chỉ chiếm <10% (sức khỏe loại IV và V) và sức khỏe tốt (loại I) chỉ chiếm 8,8% [4]. Tác giả Hoàng Thị Thúy Hà cho thấy có 58,70% các công nhân có sức khỏe loại I và loại II, có 36,70% có sức khỏe loại III và có 4,60% đối người lao động có sức khỏe loại IV và V [5].

Về các nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả phân loại sức khỏe của đối tượng thì chúng tôi ghi nhận có 11 nguyên nhân, trong đó nguyên nhân về tình trạng răng hàm mặt là có tỷ lệ cao nhất với 21,3%, tiếp đến là nguyên nhân ngoại khoa với 17,6%, chiếm tỷ lệ cao thứ 3 là các tình trạng về mắt với 15,7% ,... Kết quả này của chúng tôi có nhiều điểm tương đồng với nghiên cứu của tác giả Bùi Hoàng Nam, tác giả cũng ghi nhận tình trạng các bệnh về răng hàm mặt là có tỷ lệ nhiều nhất với 47,6%, tuy nhiên các bệnh về tim mạch, mắt, tai mũi họng cũng có tỷ lệ khá cao với hơn 20% và các bệnh khác có tỷ lệ thấp hơn [5], tác giả Hoàng Thị Thúy Hà cũng cho thấy cơ cấu bệnh của người lao động cũng khác so với nghiên cứu của chúng tôi, tác giả này ghi nhận các bệnh liên quan đến tai, mũi họng, phế quản là các bệnh chủ yếu với tỷ lệ khá cao từ 30-70%, các bệnh lý khác về huyết áp, xương khớp, da, tiêu hóa có tỷ lệ thấp [5].

Ngoài ra chúng tôi cũng ghi nhận các đối tượng có gan nhiễm mỡ 17,1%, sỏi thận 6.9%, nhân xơ tử cung 3,7%, bệnh lý về tim mạch dao động từ 0,5-2,8%, đường huyết cao là 6,5%, ... Các bệnh lý này có thể do nhiều nguyên nhân gây ra, trong đó môi trường lao động cũng là một yếu tố quan trọng. Mặc dù đây là những bệnh lý không có nguyên nhân chính bởi các yếu tố MTLĐ, nhưng để cho hoạt động sản xuất được ổn định thì các đối tượng này cần được điều trị hoặc cải thiện tình trạng sức khỏe.

Hô hấp và thính lực là hai chức năng thường được sử dụng để đánh giá về tình trạng bệnh nghề nghiệp của đối tượng, đây là hai chức năng thường gặp nhất ở hầu hết các lĩnh vực lao động sản xuất. Ngoài ra, hai bệnh lý này cũng là hai bệnh nghề nghiệp mà các người lao động được hỗ trợ bảo hiểm nếu mắc phải. Kết quả nghiên cứu cho thấy 100% các đối tượng có chức năng hô hấp bình thường, về chức năng thính lực chúng tôi nhận thấy có 5,5% giảm thính lực tai phải, 3,5% giảm thính lực tai trái và 23,9% giảm thính lực cả hai tai. Nhận thấy kết quả giảm thính lực của đối tượng là công nhân tại công ty Sadico Cần Thơ là khá cao. Kết quả này của chúng tôi cao hơn trong kết quả báo cáo của Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường TP Cần Thơ năm 2017, kết quả báo cáo ghi nhận có 28,43% các đối tượng có tình trạng giảm thính lực, trong đó tỷ lệ giảm thính lực 2 tai là 21,89% và giảm thính lực 1 tai là 6,45%, còn về tình trạng giảm chức năng hô hấp thì có 1,74% [7]. Tình trạng giảm thính lực của đối tượng là khá cao, điều này do các yếu tố về môi trường lao động của công ty, tuy nhiên các yếu tố thúc đẩy đó là thâm niên làm việc, tuổi,... Giảm thính lực nếu không có các biện pháp can thiệp sẽ dẫn đến điếc nghề nghiệp vĩnh viễn không thể phục hồi được, sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến tình trạng sức khỏe và lối sống của đối tượng, ngoài ra các đối tượng cũng khó có thể lao động sản xuất được nữa. Các biện pháp sử dụng bảo hộ lao động là nút chống ồn đã được áp dụng để hạn chế tiếp xúc tiếng ồn trong sản xuất, tuy nhiên có thể do yếu tố nào đó mà các đối tượng vẫn mắc bệnh với tỷ lệ khá cao, có thể là các đối tượng không tuân thủ việc sử dụng nút chống ồn, thường thì các đối tượng sẽ cảm thấy khó chịu khi sử dụng nút chống ồn nên không sử dụng, vấn đề này cần được sự quan tâm nhiều hơn từ các cấp quản lý của công ty.

V. KẾT LUẬN

Các yếu tố MTLĐ không đạt TCVSCP: Nhiệt độ 78,9%, tiếng ồn 94,7%. Đơn vị cần cải thiện các yếu tố môi trường chưa đạt TCVSCP hướng đến mục tiêu xây dựng môi trường làm việc an toàn cho người lao động;

Kết quả khám sức khỏe định kỳ: loại I 14,4%, loại II 45,8%, loại III 24,5%, loại IV 15,3%; Cận lâm sàng: gan nhiễm mỡ 17,1%, sỏi thận 6,9%, nhân xơ tử cung 3,7%, bệnh lý về tim mạch 2,8%, đường huyết cao 6,5%, giảm thính lực hai tai 23,9%. Đơn vị cần phối hợp với cơ sở y tế thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe, cải thiện phân loại sức khỏe của người lao động, tầm soát, giám định BNN cho người lao động đủ điều kiện theo quy định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khương Văn Duy (2014), Sức khỏe nghề nghiệp, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Hải Yến (2012), Quản lý Nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động theo Pháp luật Lao động Việt Nam, Trường Đại học quốc gia Hà Nội.
3. Phạm Thị Kim Nhung, Trương Thị Mỹ Loan (2016), Thực trạng môi trường lao động tại các cơ sở sản xuất bao bì vừa và nhỏ tại TP. Hồ Chí Minh, Viện Khoa học An toàn và vệ sinh lao động.
4. Bùi Hoàng Nam (2017), Nghiên cứu điều kiện lao động, tình trạng sức khỏe và hiệu quả biện pháp huấn luyện an toàn-vệ sinh lao động cho công nhân may công nghiệp tại Hưng Yên, Luận án tiến sĩ Y tế công cộng, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
5. Hoàng Thị Thúy Hà (2015), Thực trạng môi trường, sức khỏe, bệnh tật ở công nhân may Thái Nguyên và hiệu quả một số giải pháp can thiệp, Luận án Tiến sĩ Y học chuyên ngành Vệ sinh Xã hội học và Tổ chức Y tế, Đại học Thái Nguyên.
6. Cục Quản lý môi trường y tế (2018), 10 nội dung doanh nghiệp cần thực hiện.
7. Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và Môi trường Cần Thơ (2017), Báo cáo công tác Y tế lao động 2017, kế hoạch hoạt động năm 2018.
8. Zafir Mohd Makhbul (2012), Workplace environment towards health and performance, International business mangement, 6(6), 640-647.

9. Ray Markey and et al (2012), The impact of the quality of the work environment on employees' intention to quit, University of west of England.
10. Andreas D Flouris and et al (2018), Workers' health and productivity under occupational heat strain: a systematic review and meta-analysis, Lancet planet health, 2, 521-531.

(Ngày nhận bài: 02/09/2019 - Ngày duyệt đăng bài: 03/10/2019)
